



NGHIÊN CỨU BIỆN PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

A STUDY ON MEASURES TO IMPROVE PHYSICAL EDUCATION LEARNING OUTCOMES FOR BANKING AND FINANCE STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF ECONOMICS - TECHNOLOGY FOR INDUSTRIES

TÓM TẮT: Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp nâng cao kết quả học tập môn giáo dục thể chất cho sinh viên ngành Tài chính ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành Tài chính thường gặp khó khăn trong việc học môn giáo dục thể chất do nhiều nguyên nhân, chủ yếu liên quan đến thời gian, hứng thú và cơ sở vật chất. Nghiên cứu đã đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp như cải tiến nội dung giảng dạy, tăng cường hoạt động ngoại khóa và nâng cao nhận thức của sinh viên. Kết quả cho thấy các biện pháp này đã có hiệu quả tích cực trong việc nâng cao kết quả học tập môn giáo dục thể chất và phát triển thể lực của sinh viên.

TỪ KHÓA: Biện pháp, nâng cao, kết quả học tập, môn giáo dục thể chất, sinh viên

ABSTRACT: This study aims to investigate the reasons for and propose solutions to improve the learning outcomes of Physical education for Finance and Banking students. The research findings indicate that Finance students often face difficulties in learning PE due to various factors, mainly related to time constraints, lack of interest, and inadequate facilities. The study has proposed and implemented several measures such as improving teaching content, enhancing extracurricular activities, and raising students' awareness. The results show that these measures have had a positive impact on improving students' physical education learning outcomes and physical fitness.

KEYWORDS: Measures, enhancement, learning outcomes, physical education, student.

**NGUYỄN QUANG THỎA
ĐỖ VĂN TÙNG**
*Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật
Công nghiệp*

**NGUYEN QUANG THOA
DO VAN TUNG**
*University of Economics - Technology
for Industries*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu đánh giá thực trạng thể chất của đối tượng học tập là một trong những nhiệm vụ cơ bản của giảng viên nhằm đánh giá đúng trạng thái và hiệu quả của chương trình giảng dạy hiện hành, đồng thời cũng là căn cứ để điều chỉnh chương trình hiện hành theo hướng hoàn thiện, nâng cao chất lượng giảng dạy, phù hợp với những thay đổi của xã hội hiện hành.

Do đặc điểm đào tạo, mỗi ngành khác nhau thường có sự bất đồng liên quan đến đặc thù công việc tương lai. Sự khác biệt được biểu hiện từ kết quả học tập môn Giáo dục Thể chất (GDTC), sự phát triển các phong trào hoạt động thể chất, đặc điểm thể lực, mức độ tích cực trong các học phần GDTC, ... Thông qua đánh giá sơ bộ, sinh viên (SV) ngành Tài chính Ngân hàng có kết

quả kém hơn so với các đơn vị đào tạo khác. Đặc biệt, kết quả học tập môn GDTC (đánh giá thông qua điểm A3) thấp hơn so với các ngành khác.

Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng học tập GDTC của SV ngành Tài chính Ngân hàng, từ đó xem xét đề xuất các biện pháp mang tính đồng bộ, phù hợp với đối tượng nghiên cứu, ngành nghề nhằm nâng cao kết quả học tập môn GDTC cho SV ngành Tài chính Ngân hàng nói chung, hoàn thiện chương trình giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật - Công nghiệp nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu:

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu quy như sau: Đọc và phân tích tài liệu; phỏng vấn, quan sát sự phạm, thực nghiệm sự phạm, kiểm tra sự phạm và toán học thống kê.

Khách thể nghiên cứu:

+ 219 SV ngành Tài chính Ngân hàng học môn GDTC tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

+ 18 người là các chuyên gia, giảng viên TĐTT, các cán bộ quản lý đang công tác tại các đơn vị trong và ngoài Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Kết quả nghiên cứu xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập môn giáo dục Thể chất của sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng

Để có cơ sở đó xây dựng phương hướng, tìm ra những

BẢNG 1. THỐNG KÊ NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN (n=219)

TT	NGUYÊN NHÂN	n	TỶ LỆ %
1	SV chưa nhận thức được vị trí và vai trò của môn học	16	7,3
2	GDTC là một môn học khó, không phù hợp với khả năng của SV Tài chính Ngân hàng	38	17,5
3	Chưa có sự quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, dụng cụ tập luyện	124	56,7
4	SV không hứng thú với môn học	95	43,3
5	Ít có thời gian tập luyện TĐTT ngoại khóa	140	64,0
6	Chưa được giáo viên hướng dẫn tập luyện ngoại khóa	11	5,0
7	Nội dung môn học chưa kích thích được hứng thú học tập của SV	129	59,2
8	Bản thân SV chưa nỗ lực khắc phục khó khăn của môn học	27	12,5
9	Những nguyên nhân khác	24	10,9

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ kết quả của nghiên cứu

biện pháp hữu hiệu khắc phục những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập môn GDTC của SV ngành Tài chính ngân hàng, nghiên cứu đưa ra một số nguyên nhân để SV đánh giá.

Qua bảng số liệu điều tra tại bảng 1 cho thấy rằng những khó khăn mà nghiên cứu đưa ra phỏng vấn đều được SV ghi nhận. Trong đó khó khăn lớn nhất của SV là ít có thời gian tập luyện ngoại khóa (có 140 SV chiếm 64,4%). Tiếp đến là do nội dung chương trình môn học chưa kích thích được hứng thú của SV (có đến 129 SV chiếm 59,2%) và 124 SV chiếm 56,7% cho rằng chưa có sự quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, dụng cụ tập luyện. Khó khăn mà SV đánh giá thấp nhất là chưa được giáo viên hướng dẫn tập luyện ngoại khóa. Từ những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập môn GDTC của SV Tài chính ngân hàng, có thể rút

ra những nhận xét:

** Nguyên nhân thành công:*
Lãnh đạo trường, bộ môn GDTC đã quan tâm chỉ đạo nhất định việc thực hiện các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao kết quả học tập cho SV. Giảng viên và SV phần lớn đều nhận thức rõ vai trò quan trọng của môn học. Giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình với công việc giảng dạy.

** Nguyên nhân hạn chế:*
Nguyên nhân chủ quan: SV chỉ biết đến môn học thông qua học lý thuyết và một số kỹ năng học tập, tập luyện qua một số giờ học hạn chế (30tiết/học phần). SV ít có thời gian tập luyện TĐTT ngoại khóa. SV chưa nhận thức được hết vai trò, ý nghĩa của môn học. Bản thân SV chưa nỗ lực khắc phục những khó khăn của môn học. Nguyên nhân khách quan: Nội dung chương trình môn học chưa kích thích được hứng thú học tập của SV. Trang thiết bị,



BẢNG 2. KẾT QUẢ PHÒNG VẤN LỰA CHỌN CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (n=18)

TÊN CÁC BIỆN PHÁP	KẾT QUẢ PHÒNG VẤN				
	Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Tổng điểm đạt được	Tỷ lệ % so với tổng điểm tối đa
	n	n	n		
Biện pháp 1: Cải tiến nội dung giảng dạy GDTC nội khóa cho phù hợp với đặc điểm ngành nghề của SV chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.	14	4	0	82	91,11
Biện pháp 2: Nâng cao nhận thức và tri thức cho SV về vai trò, tác dụng của luyện tập TDTT đối với cơ thể.	15	2	1	82	91,11
Biện pháp 3: Tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo về số lượng và chất lượng sân bãi, dụng cụ phục vụ cho môn học.	2	9	7	44	48,88
Biện pháp 4: Tổ chức các hoạt động ngoại khóa đối với SV có sự hướng dẫn của giáo viên theo định hướng phát triển các tố chất thể lực cho SV Tài chính Ngân hàng.	14	3	1	80	88,88
Biện pháp 5: Xây dựng các câu lạc bộ thể thao riêng cho SV ngành Tài chính Ngân hàng và tăng cường tổ chức các giải Thể thao của khoa, nhà trường.	13	5	0	80	88,88

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ kết quả của nghiên cứu

dụng cụ tập luyện còn chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện của SV. Từ những thực trạng nêu trên cho thấy các nguyên nhân chủ quan và khách quan đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và kết quả học tập môn GDTC của SV ngành Tài chính ngân hàng. Để thúc đẩy phong trào tập luyện TDTT, nâng cao kết quả học tập môn GDTC thì việc đưa ra các biện pháp khắc phục là hết sức cần thiết.

2.2. Kết quả nghiên cứu lựa chọn và thực nghiệm ứng dụng các biện pháp nâng cao kết quả học tập môn giáo dục thể chất cho sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng

2.2.1. Kết quả nghiên cứu lựa chọn các biện pháp nâng cao kết quả học tập môn giáo dục thể chất cho sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng

Qua nghiên cứu các tài liệu có liên quan tới các biện pháp nhằm khắc phục ảnh hưởng của

yếu tố ngành nghề để nâng cao thể chất và kết quả môn học GDTC cho SV ngành Tài chính Ngân hàng, đồng thời thông qua quan sát sự phạm và trao đổi với các giảng viên TDTT có kinh nghiệm giảng dạy của nhiều trường đại học nghiên cứu lựa chọn và đề xuất 5 biện pháp như sau:

1. Nâng cao nhận thức và tri thức về tập luyện TDTT rèn luyện thân thể;
2. Tăng cường cơ sở vật chất sân bãi, dụng cụ luyện tập thể thao;
3. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa bắt buộc đối với SV có sự hướng dẫn của giáo viên theo định hướng phát triển cá tố chất thể lực yếu ở từng nhóm ngành nghề;
4. Xây dựng các câu lạc bộ thể thao và tăng cường tổ chức các giải thể thao SV;
5. Cải tiến nội dung giảng dạy GDTC nội khóa cho phù hợp với đặc điểm nhóm ngành

nghề của SV.

Sau khi đề xuất và xây dựng nội dung 5 biện pháp, để tăng cường thêm tính khách quan và độ tin cậy trong việc lựa chọn trước khi đưa vào thực nghiệm, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, giảng viên TDTT, các cán bộ quản lý về mức độ ưu tiên sử dụng các biện pháp: Rất quan trọng (5 điểm), quan trọng (3 điểm), ít quan trọng (1 điểm). Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 2.

Từ kết quả phỏng vấn đánh giá mức độ ưu tiên sử dụng các biện pháp trình bày ở bảng 2, nghiên cứu lựa chọn được 4 biện pháp có tổng điểm ưu tiên trên 80 điểm (88,88% so với tổng điểm tối đa) và phù hợp với những yêu cầu đặt ra nhằm nâng cao kết quả học tập môn GDTC cho SV Tài chính ngân hàng. Riêng biện pháp tăng cường cơ sở vật chất sân bãi dụng cụ tập luyện chỉ đạt 44 điểm (48,88% so với tổng điểm

tối đa). Điều này có thể được lý giải như sau: Cơ sở vật chất sân bãi, dụng cụ phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan như kinh phí đào tạo, quỹ đất xây dựng, ... Mặt khác, các chuyên gia đều có quan điểm cho rằng đầu tư cơ sở vật chất không chỉ có lợi cho việc nâng cao hiệu quả công tác GDTC của riêng nhóm ngành nghề nào mà nó chia đều tác động tới tất cả các nhóm ngành nghề. Vì vậy nó không thể trở thành biện pháp riêng cho một nhóm ngành nghề nhất định.

2.2.2. Kết quả nghiên thực nghiệm ứng dụng các biện pháp nâng cao kết quả học tập môn giáo dục thể chất cho sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng

Để xác định hiệu quả của các biện pháp đề xuất trong việc nâng cao chất lượng môn học GDTC, nghiên cứu tiến hành thực nghiệm sư phạm trên đối tượng nữ SV khóa 5 ngành Tài chính Ngân hàng (thực nghiệm các biện pháp số 1, 4 và 5). Đây là đối tượng mà khi tiến hành thực nghiệm bắt đầu học GDTC, khi kết thúc thực nghiệm thì cũng kết thúc năm học thứ nhất.

Trong quá trình thực nghiệm cả nhóm đối chứng (NĐC) và nhóm thực nghiệm (NTN) đều học tập theo tiến độ thực hiện chương trình GDTC hiện tại của nhà trường. Trong đó NĐC không có sự tác động của biện pháp đề xuất. Còn NTN được áp dụng các biện pháp đề xuất. Tuy nhiên ở biện pháp Tổ chức các hoạt động ngoại khóa bắt buộc đối với SV có sự hướng dẫn của giáo viên theo định

BẢNG 3. SO SÁNH KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CỦA CÁC NHÓM THỰC NGHIỆM VÀ NHÓM ĐỐI CHỨNG TRƯỚC THỰC NGHIỆM

CHỈ TIÊU KIỂM TRA	KẾT QUẢ SO SÁNH			
	NTN	NĐC	Độ tin cậy	
	$\bar{x} \pm \sigma$	$\bar{x} \pm \sigma$	t	p
Chạy 100m (s)	19,99 ± 2,05	19,79 ± 2,10	0,403	>0,05
Chạy 800m (s)	319 ± 51	315 ± 54	0,318	> 0,05
Bật xa tại chỗ (cm)	156,0 ± 8,0	155,9 ± 8,9	0,049	> 0,05
Nằm sấp chống đẩy (l)	9,20 ± 5,10	9,44 ± 4,95	0,200	> 0,05

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ kết quả của nghiên cứu

BẢNG 4. SO SÁNH KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CỦA NHÓM THỰC NGHIỆM VÀ NHÓM ĐỐI CHỨNG SAU THỰC NGHIỆM

CHỈ TIÊU KIỂM TRA	KẾT QUẢ SO SÁNH			
	NTN	NĐC	Độ tin cậy	
	$\bar{x} \pm \sigma$	$\bar{x} \pm \sigma$	t	p
Chạy 100m (s)	18,60 ± 1,32	19,70 ± 2,09	2,631	<0,01
Chạy 800m (s)	275 ± 42	314 ± 50	2,627	<0,01
Bật xa tại chỗ (cm)	166,5 ± 8,2	158,8 ± 8,5	3,850	<0,001
Nằm sấp chống đẩy (l)	13,1 ± 3,87	9,50 ± 4,95	3,396	<0,001

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ kết quả của nghiên cứu

hướng phát triển các tố chất thể lực yếu ở nhóm ngành nghề thì SV NĐC tự tập ngoại khóa theo điều kiện và sở thích của mình; NTN tập ngoại khóa bắt buộc với các môn thể thao đã được lựa chọn dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Một tuần tập luyện 3 buổi, mỗi buổi tập 60 phút vào cuối buổi chiều, cụ thể là tập luyện môn Thể dục Dụng cụ, Cầu lông, Aerobic.

Để xác định rõ mức độ tác động của các biện pháp ứng dụng đối với sự phát triển thể lực của SV, nghiên cứu tiến hành kiểm tra các đối tượng thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm. Kết quả kiểm tra được trình bày ở bảng 3.

Kết quả trình bày ở bảng 3 cho thấy: So sánh thành tích ở các Test kiểm tra giữa NĐC và NTN đều có tính <tbảng ở ngưỡng p 0,05. Điều đó chứng

tỏ thành tích ở tất cả các Test kiểm tra trước thực nghiệm của NĐC và NTN là không có sự khác biệt, có ý nghĩa thống kê với ngưỡng xác suất p 0,05.

Sau 2 học kỳ, nghiên cứu tiến hành kiểm tra thể lực của NTN và đối chứng bằng các test đã sử dụng kiểm tra trước thực nghiệm. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4 trình bày kết quả kiểm tra thể lực của các nhóm sau một năm thực nghiệm cho thấy chỉ số so sánh ở tất cả các test kiểm tra giữa NTN và NĐC đều có tính >tbảng với kết quả kiểm tra của NTN cao hơn hẳn so với NĐC và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng p <0,001. Như vậy, sau 1 năm ứng dụng các biện pháp đề xuất trên các NTN, bước đầu đã có hiệu quả trong việc phát triển thể lực cho đối tượng nghiên

**BẢNG 5. SO SÁNH NHỊP TĂNG TRƯỞNG CÁC TỔ CHẤT THỂ LỰC CỦA NHÓM THỰC NGHIỆM VÀ NHÓM ĐỐI CHỨNG**

CHỈ TIÊU KIỂM TRA	NHÓM THỰC NGHIỆM				NHÓM ĐỐI CHỨNG				CHÈNH LỆCH
	V1	V2	d	W%	V1	V2	d	W%	
Chạy 100m (s)	19,99	18,60	1,39	7,20	19,79	19,70	0,09	0,46	6,74%
Chạy 800m (s)	319	275	44	14,81	315	314	1	0,32	14,49%
Bật xa tại chỗ (cm)	156,0	166,5	10,5	6,51	155,9	158,8	2,9	1,84	4,67%
Nằm sấp chống đẩy (l)	9,20	13,1	3,9	35,0	9,44	9,50	0,06	0,63	34,37%

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ kết quả của nghiên cứu

BẢNG 6. SO SÁNH KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA NHÓM THỰC NGHIỆM VÀ NHÓM ĐỐI CHỨNG TRONG HAI HỌC KỲ THỰC NGHIỆM (ĐIỂM)

HỌC KỲ	KẾT QUẢ SO SÁNH			
	NTN n = 70	NĐC n = 70	Độ tin cậy	
	$\bar{x} \pm \sigma$	$\bar{x} \pm \sigma$	t	p
1	6,31±0,54	5,75±0,66	3,952	<0,001
2	6,15±0,54	5,85±0,57	2,251	<0,05

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ kết quả của nghiên cứu

cứu. Các chỉ số về thể lực ở NTN đều cao hơn hẳn so với NĐC và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $p < 0,05$.

Để thấy rõ hơn hiệu quả của các biện pháp ứng dụng đối với sự phát triển thể lực của SV NTN, nghiên cứu tiến hành so sánh nhịp tăng trưởng các tổ chất thể lực của NTN và NĐC sau 1 năm thực nghiệm. Số liệu kiểm tra qua xử lý được trình bày ở bảng 5.

Qua bảng 5 có nhận xét về mức độ tăng trưởng các tổ chất thể lực sau khi kết thúc quá trình thực nghiệm như sau: Các chỉ số về nhịp tăng trưởng các tổ chất thể lực của NTN đều cao hơn hẳn so với NĐC. Cụ thể: Về tổ chất sức nhanh (chạy 100m) thì mức độ tăng trưởng của NTN là 7,20%; trong khi đó ở NĐC chỉ đạt 0,46%. Về tổ chất sức bền (chạy 800m) thì mức độ tăng trưởng của NTN là 14,81%; trong khi đó ở NĐC chỉ đạt 0,32%. Về sức

mạnh chân (bật xa tại chỗ) thì mức độ tăng trưởng của NTN là 6,51%; trong khi đó ở NĐC chỉ đạt 1,84%. Đặc biệt về sức mạnh của tay (nằm sấp chống đẩy) thì mức độ tăng trưởng của NTN lên tới 35%; trong khi đó ở NĐC chỉ đạt 0,63%.

Từ kết quả trên có thể thấy rằng các chỉ số về nhịp tăng trưởng ở các chỉ tiêu kiểm tra của NTN cao hơn rất nhiều so với NĐC, ở NĐC hầu hết các chỉ số của nhịp tăng trưởng đều ở mức thấp. Có thể giải thích kết quả trên là do trong khi NTN có sự tác động của các biện pháp làm cho thể lực của SV tăng trưởng rõ rệt thì các SV ở NĐC tuy có tham gia tập luyện ngoại khóa (không cùng NTN) song không được thường xuyên và không có sự hướng dẫn cụ thể, quá trình học tập của các em cũng có sự vận động về thể chất (thực hành các môn học), quá trình sinh hoạt ưa hoạt động, ... nên thể

lực của SV vẫn có chiều hướng tăng lên, tuy nhiên mức độ tăng là không nhiều. Để khẳng định rõ hơn hiệu quả của các biện pháp thì đích cuối cùng là đánh giá chất lượng học tập của các nhóm thông qua kết quả học tập môn GDTC. Nghiên cứu đã tiến hành tổng hợp và so sánh kết quả học tập của các nhóm (bảng 6).

Qua bảng so sánh kết quả trung bình học tập của NTN và NĐC ở 2 học kỳ thực nghiệm cho thấy đều có $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$, với $p < 0,05$. Điều này cho thấy kết quả học tập của NTN đều cao hơn NĐC và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$. Điểm trung bình học kỳ 1: Kết quả học tập của NTN = 6,31±0,54; trong khi đó NĐC chỉ đạt 5,75±0,60. Điểm trung bình học kỳ 2: Kết quả học tập của NTN = 6,15±0,54; trong khi đó NĐC chỉ đạt 5,85±0,57. Kết quả chứng tỏ các biện pháp ứng dụng đã có tác dụng nâng cao kết quả học tập của SV.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu, 05 biện pháp nâng cao kết quả học tập môn GDTC cho SV ngành Tài chính - Ngân hàng đã được lựa chọn và triển khai. Sau một năm áp dụng, các biện pháp này không

chỉ khắc phục được những hạn chế đặc thù của ngành học, mà còn góp phần cải thiện rõ rệt thể chất cũng như nâng cao kết quả học tập môn GDTC. Điều này khẳng định rằng việc xây dựng các giải pháp phù hợp với

đặc điểm ngành học và nhu cầu của sinh viên là yếu tố quan trọng trong việc cải thiện chất lượng giáo dục thể chất. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để áp dụng rộng rãi các biện pháp này vào các ngành học khác

nhằm tối ưu hóa hiệu quả giảng dạy môn GDTC. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 20/10/2024;
ngày phản biện đánh giá: 15/11/2024;
ngày chấp nhận đăng: 15/12/2024)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Việt Hòa (2019), *Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động học tập môn giáo dục thể chất cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội theo hướng tích cực hóa người học*, Luận án Tiến sỹ Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục thể thao.
2. Võ Xuân Lộc (2022), *Nghiên cứu ứng dụng biện pháp nâng cao hiệu quả học tập môn giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội*. Luận án Tiến sỹ Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục thể thao.
3. Lưu Thanh Nga (2019), *Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả môn học giáo dục thể chất tự chọn cho sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên*, Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên, 201(08), tr217-223.
4. Thân Văn Thương (2014), *Biện pháp nâng cao kết quả học tập môn giáo dục thể chất cho nữ sinh viên khối ngành Tiểu học Trường Cao đẳng Tuyên Quang*, Luận văn Thạc sỹ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.